TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 4 – 2023
V/v ly hôn Đẩm – Nghĩa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phùng

Ông Trương Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1976 nơi cư trú: Tổ F, khóm C, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978 nơi cư trú: Số C, tổ F, khóm C, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 08/4/2022 và lời khai của nguyên đơn ông Lê Hữu Đ trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị N qua tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân,

có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 03 tháng 9 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, bà P không tôn trọng ông, vợ chồng thường hay cãi vả, chung sống không còn hạnh phúc. Ông đã bỏ nhà về nha cha mẹ ruột sống từ tháng 02/2022 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trong, ông xin ly hôn bà N.

Ông và bà N có 02 con chung Lê Hữu N1, sinh năm 2009 đang sống với ông và Lê Hữu T, sinh năm 2013 đang sống với bà N. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N1, còn bà N nuôi cháu T; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông và bà N tự nguyện thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt khi hòa giải, xét xử là vi phạm quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu, cho ông Lê Hữu Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị N. Ông Đ và bà N có 02 con chung giao cho bà N được tiếp tục nuôi 02 con chung. Bà N không yêu cầu nên không buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ và bà N có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Đ và bà N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 195 do Ủy ban nhân dân thị trấn P cấp ngày 03/9/2008 nên làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Ông Đ cho rằng vợ chồng thường hay cãi vả, do bà N không tôn trọng ông nên ông Đ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Đ yêu cầu ly hôn bà N.

Qua xác minh, thì địa phương cho biết: Ông Đ và bà N có nơi cư trú tại khóm C, thị trấn P, huyện P, An Giang. Về mâu thuẫn của vợ chồng ông Đ, bà N, địa phương không biết.

Ông Đ và bà Nghĩa l vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương nhau, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau cố gắng xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái. Ông Đ và bà N xảy ra mâu thuẫn thì ông Đ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Ông Đ và bà N ly thân hơn một năm nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn vợ chồng, không còn quan tâm nhau, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho ông Đ ly hôn với bà N.

[2.2] Về nuôi con chung:

Ông Đ và bà N có 02 con chung Lê Hữu N1, sinh năm 2009 và Lê Hữu T, sinh năm 2013 bà N đang nuôi đưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân năm 2022 đến nay bà Nghĩa là người trực tiếp nuôi con, các cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ, để ổn định cuộc sống của các cháu nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu nên không buộc ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà N không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hữu Đ.

Ông Lê Hữu Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 195 ngày 03/9/2008 do Ủy ban nhân dân thị trấn P cấp cho ông Đ và bà N không còn giá trị pháp lý.

Ông Đ và bà N có 02 con chung Lê Hữu N1, sinh năm 2009 và Lê Hữu T, sinh năm 2013 đang sống với bà N. Giao hai con chung cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu nên không buộc ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện ông Đ đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

Ông Đ và bà N không có yêu cầu chia tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005601 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông Đ không còn phải nộp thêm án phí

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND tt Phú Mỹ, huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn